

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã vạch được in theo chương trình

Họ và tên cổ đông: Nguyễn Văn A

Mã số: 328

Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 1.050 cổ phần

(Mệnh giá 10.000 đ/cp)

Các nội dung biểu quyết thông qua:

SỐ TT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN																																																												
1	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).																																																															
2	<p>Báo cáo của Hội đồng quản trị (HDQT) về quản trị và hoạt động của HDQT 2022, gồm các nội dung chủ yếu đã được kiểm toán như sau:</p> <p>- Kết quả năm 2022 (Số liệu đã kiểm toán)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">SỐ TT</th> <th rowspan="2">CHỈ TIÊU</th> <th rowspan="2">ĐƠN VỊ TÍNH</th> <th rowspan="2">THI NĂM 2021</th> <th colspan="2">NĂM 2022</th> <th colspan="2">SO SÁNH (%)</th> </tr> <tr> <th>KH</th> <th>TH</th> <th>TH 22/ KH 22</th> <th>TH 22/ TH 21</th> </tr> <tr> <th>A</th> <th>B</th> <th>C</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4(3/2)</th> <th>5(3/1)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Doanh thu</td> <td>Tr. đồng</td> <td>2.659.682</td> <td>3.500.000</td> <td>4.815.630</td> <td>137,60</td> <td>181,06</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>LN trước thuế</td> <td>-nt-</td> <td>49.924</td> <td>37.175</td> <td>935</td> <td>2,52</td> <td>1,87</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>LN sau thuế</td> <td>-nt-</td> <td>40.195</td> <td>30.000</td> <td>1.278</td> <td>4,26</td> <td>3,18</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Nộp NSNN</td> <td>-nt-</td> <td>41.893</td> <td>47.738</td> <td>44.776</td> <td>93,80</td> <td>106,90</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Cổ tức</td> <td>%</td> <td>20</td> <td>15</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Ghi chú: Cổ tức năm 2022 chưa thực hiện. Hiện đang trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p>	SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THI NĂM 2021	NĂM 2022		SO SÁNH (%)		KH	TH	TH 22/ KH 22	TH 22/ TH 21	A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)	1	Doanh thu	Tr. đồng	2.659.682	3.500.000	4.815.630	137,60	181,06	2	LN trước thuế	-nt-	49.924	37.175	935	2,52	1,87	3	LN sau thuế	-nt-	40.195	30.000	1.278	4,26	3,18	4	Nộp NSNN	-nt-	41.893	47.738	44.776	93,80	106,90	5	Cổ tức	%	20	15						
SỐ TT	CHỈ TIÊU					ĐƠN VỊ TÍNH	THI NĂM 2021	NĂM 2022		SO SÁNH (%)																																																						
		KH	TH	TH 22/ KH 22	TH 22/ TH 21																																																											
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)																																																									
1	Doanh thu	Tr. đồng	2.659.682	3.500.000	4.815.630	137,60	181,06																																																									
2	LN trước thuế	-nt-	49.924	37.175	935	2,52	1,87																																																									
3	LN sau thuế	-nt-	40.195	30.000	1.278	4,26	3,18																																																									
4	Nộp NSNN	-nt-	41.893	47.738	44.776	93,80	106,90																																																									
5	Cổ tức	%	20	15																																																												
3	<p>Định hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, gồm các nội dung chủ yếu như sau:</p> <p>* Định hướng năm 2023</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. - Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng. - Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh. - Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự. - Đảm bảo an toàn vốn. - Tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của tỉnh Đồng Nai để sớm được xem xét, hoàn trả các khoản đã đầu tư liên quan đến mặt bằng kho Nhơn Trạch, Đồng Nai. <p>* Kế hoạch SXKD năm 2023</p> <p>Từ những định hướng trên, HDQT Công ty trình ĐHCĐ Kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu : 4.000 tỷ đồng 																																																															

	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế : 15 tỷ đồng - Chi cổ tức tối thiểu : tối thiểu 15 %. <p>ĐHĐCĐ giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế để xem xét và quyết định điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2023 cho phù hợp, sau đó trình ĐHĐCĐ lần gần nhất thông qua báo cáo nội dung điều chỉnh (nếu có).</p>					
4	Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD năm 2022					
5	Tờ trình về phân phối lợi nhuận (Quý cổ đông biểu quyết cả 2 nội dung 5.1 và 5.2)					
5.1	Phân phối lợi nhuận năm 2022: (số liệu đã được kiểm toán)					
	<i>ĐVT: đồng</i>					
	SỐ TT	CHỈ TIÊU	TỔN QUỸ ĐẾN 31/12/2022	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2022	PHÂN PHỐI LN CÁC NĂM TRƯỚC ĐỂ LẠI	TỔN QUỸ SAU P. PHỐI LN 2022
	A	B	1	2	3	4
	I	Báo cáo thực hiện:		510.000.000		
	1	Thù lao HĐQT và BKS		510.000.000		
	II	Dự kiến trình ĐHĐCĐ :		768.494.699		
	1	Quỹ đầu tư phát triển	99.685.822.404	-		99.685.822.404
	2	Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	8.885.533.111	768.494.699	7.515.782.316	17.169.810.126
	3	Chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 15% (01 cổ phần nhận 1.500 đồng).			21.180.942.000	
	4	LNST chuyển sang năm sau	36.350.171.276		(28.696.724.316)	7.653.446.960
		TỔNG CỘNG (I + II)		1.278.494.699		
	<p><i>Ghi chú: (*) tình hình trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2021, 2022 và tồn quỹ đến 31/01/2023:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021: 8.284.277.015 đồng, năm 2022: 8.284.277.015 đồng. - Tồn quỹ khen thưởng phúc lợi đến 31/01/2023: 3.808.834.839 đồng. 					
5.2	Kế hoạch chi cổ tức năm 2023: Tối thiểu 15%					
	Tùy thuộc tình hình tài chính của Công ty, Các cổ đông tham dự Đại hội (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm (nếu có).					
6	Tờ trình về thù lao cho HĐQT, BKS					
	Mức thù lao trả cho HĐQT và BKS năm 2023:					
	- Thành viên HĐQT : Bình quân 8.000.000 đồng/người/tháng.					
	- Thành viên BKS : Bình quân 5.000.000 đồng/người/tháng.					
7	Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán.					
	1. Danh sách các công ty kiểm toán:					
	- Cty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt AASCN					
	- Cty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam AASCN					
	- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C					
	- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC					
	- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)					

	<p>2. Giao cho HĐQT quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong số các công ty theo đề xuất của Ban Kiểm soát nêu trên để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty; và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>3. BKS thực hiện giám sát chất lượng kiểm toán Báo cáo tài chính theo quy định.</p>			
8	Tờ trình về chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu cho Công ty (Quý cổ đông biểu quyết cả 3 nội dung 8.1, 8.2 và 8.3)			
8.1	<p>Hợp đồng mua xăng dầu của Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn), là người có liên quan của PV OIL - cổ đông sở hữu 44,79% cổ phần phổ thông của COMECO:</p> <p>a) Sản lượng xăng dầu mua là: 44,79% ± (1%)/sản lượng năm.</p> <p>b) Giá trị hợp đồng: 1.800 tỷ đồng (± 4%). Giá trị hợp đồng này được xác định trên cơ sở tỷ lệ sản lượng mua hàng theo điểm a khoản 8.1 Mục này nhân với giá bán lẻ xăng dầu bình quân tại thời điểm hợp đồng mua xăng dầu được ký kết (Giá trị hợp đồng mua thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với mức 1.800 tỷ đồng).</p>			
8.2	<p>Hợp đồng mua xăng dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) - cổ đông sở hữu 39,65% cổ phần phổ thông của COMECO:</p> <p>a) Sản lượng xăng dầu mua là: 39,65% ± (1%)/sản lượng năm.</p> <p>b) Giá trị hợp đồng: 1.600 tỷ đồng (± 4%). Giá trị hợp đồng này được xác định trên cơ sở tỷ lệ sản lượng mua hàng theo điểm a khoản 8.2 Mục này nhân với giá bán lẻ xăng dầu bình quân tại thời điểm hợp đồng mua xăng dầu được ký kết (Giá trị hợp đồng mua thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với mức 1.600 tỷ đồng).</p>			
8.3	<p>Đối với phần sản lượng xăng dầu tương ứng với 15,56% tỷ lệ góp vốn, giá trị hợp đồng: 600 tỷ đồng (± 4%), thì việc mua xăng dầu được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Cách thức thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các mặt hàng PVOIL và Saigon Petro cung cấp được: COMECO cân đối và quyết định ưu tiên việc mua hàng của PVOIL/PVOIL Sài Gòn hoặc Saigon Petro trên cơ sở hàng hóa, giá cả, chiết khấu, phương thức thanh toán, giao nhận,... phải đảm bảo tính cạnh tranh. - Đối với các mặt hàng PVOIL và Saigon Petro không cung cấp được: COMECO chủ động cân đối và quyết định mua trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. 			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

CỔ ĐÔNG
(Ký tên)

Nguyễn Văn A

Ghi chú: PVOIL và Saigon Petro là cổ đông có liên quan, do đó tại mục số 8 (Tờ trình về chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu cho Công ty):

- Trên phiếu biểu quyết của PVOIL, chỉ hiển thị 2 nội dung 8.2 và 8.3 để cho PVOIL biểu quyết.
- Trên phiếu biểu quyết của Saigon Petro, chỉ hiển thị 1 nội dung 8.1 và 8.3 để cho Saigon Petro biểu quyết.